

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HS-ST

Ngày: 28/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Bền

Bà Phạm Thị Thà

Ông Nguyễn Xuân Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Duy Thơi - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo: **Nguyễn Trung Ú**, sinh năm 1970 tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: Thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/9/2022, tạm giam từ ngày 15/9/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Phan Thị Bình M - Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số C đường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: Thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; hiện đang lao động tại Nhật Bản; anh C vắng mặt có ủy quyền cho bà T1 tham gia tố tụng, bà T1 có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đậu Đức H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có đề nghị vắng mặt.

Anh Nguyễn Khắc Q, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xóm F, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có đề nghị vắng mặt.

Anh Văn Đức C1, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Ngọc T2, chị Đặng Thị Hương L, anh Nguyễn Anh Q1, anh Nguyễn Văn T3, chị Trần Thị T4, chị Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Mỹ D, chị Phùng Thị N1, anh Lê Anh M1, anh Chăm Bá T5, anh La Hoài N2; có mặt anh Nguyễn Ngọc T2, vắng mặt những người còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1996, Nguyễn Trung Ú vào các tỉnh phí N2 làm thuê, lao động tự do, Ú sử dụng các số điện thoại 0343523519, 0386820335 đăng ký các tài khoản mạng xã hội facebook “Nguyễn Tuấn A” (sau đổi thành “Nguyễn Trương Gia H2”), “Nguyễn Trương Tuan A1”, “Nguyễn Trương Bảo T6” để liên lạc, trao đổi với mọi người. Khoảng năm 2020, Ú về quê ở thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương thăm gia đình và gặp bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972 là người cùng thôn, hai người cho nhau số điện thoại và kết bạn facebook. Qua trao đổi, trò chuyện, Ú nói với bà T1 là vợ chồng Ú có 3 người con nuôi là Nguyễn Trương Bảo T6” thường gọi là “Thiên lớn” công tác trong ngành Công an, Chăm Bá T5 thường gọi là “Thiên bé” là bác sỹ du học bên Nhật Bản và Đậu Đức H là bộ đội biên phòng. Bà T1 cũng trao đổi với Ú mình có con trai là Nguyễn Quốc C, sinh năm 1996, chưa có vợ, đang lao động tại Nhật Bản nên Ú đã kết bạn qua Facebook với anh C. Khoảng giữa năm 2021, Ú nhắn tin qua Facebook thông tin với anh C và bà T1 là Ú có người cháu tên Trương Thị Quỳnh A2, sinh năm 1998, nhà ở thành phố Cần Thơ, hiện đang là sinh viên năm cuối Đại học y Hà Nội nhận Úy là bố đỡ đầu; Quỳnh A2 có bố làm công an, mẹ nghỉ hưu, nhà nề nếp nên đặt vấn đề với anh C, bà T1 kết bạn qua Facebook với Quỳnh A2 để anh C và Quỳnh A2 tìm hiểu, nếu phù hợp thì hai người tiến tới hôn nhân. Anh C tin tưởng thông tin do Ú đưa ra nên đồng ý. Do Ú không có cháu gái nào tên là Trương Thị Quỳnh A2 nên Ú lập 1 tài khoản Facebook mang tên “Trương Thị Quỳnh A2” và thông qua tài khoản Facebook của Ú có tên “Nguyễn Trương Tuan A1” giới thiệu cho anh C, bà T1 kết bạn với tài khoản Facebook mang tên “Trương Thị Quỳnh A2”, sau đó Úy mạo danh Quỳnh A2 thường xuyên nhắn tin, tâm sự tình cảm nam nữ với anh C và tâm sự tình cảm với bà T1 qua tài khoản Facebook để tạo quan hệ gần bó, tin tưởng. Do bà T1, anh C tin tưởng tài khoản Facebook mang tên “Trương Thị Quỳnh A2” là cháu gái của Ú nên anh C ngỏ lời yêu “Quỳnh Anh” và thường xuyên tâm sự tình cảm yêu đương qua tài khoản Facebook. Để tránh bị phát hiện việc giả mạo là Quỳnh A2, khi trao đổi, liên lạc với anh C, bà T1, Ú không thực hiện cuộc gọi video mà chỉ nhắn tin, khi anh C chủ động gọi cuộc gọi thoại thì Ú giả giọng nữ và nói nhỏ để anh C không phát hiện được. Đến khoảng tháng 3/2022, do cần tiền chi tiêu cá nhân, trả nợ, Ú dùng các tài khoản của Ú và

tài khoản mang tên Trương Thị Quỳnh A2 trao đổi với bà T1, anh C về việc Quỳnh A2 thiếu tiền đóng học phí, bị ốm, nằm viện, bị hỏng điện thoại, làm mất xe máy của bạn phải đền tiền, thi trượt môn phải nộp tiền... và đặt vấn đề nhờ bà T1, anh C chuyển tiền giúp đỡ Quỳnh A2 khắc phục khó khăn về kinh tế để bà T1, anh C tin tưởng chuyển tiền đến các tài khoản ngân hàng do Ú cung cấp cho Quỳnh A2 vay. Cũng trong thời điểm này, Ú sử dụng số điện thoại 0963.808.219 lập tài khoản Facebook mang tên “Nguyễn T7” giả danh là bố của Quỳnh A2, lập tài khoản Facebook “Đoàn Quang H3” giả danh là bạn thân của Quỳnh A2 rồi kết bạn với tài khoản Facebook do bà T1, anh C sử dụng để nói chuyện với bà T1, anh C kể về các sự kiện, tình huống khó khăn của Quỳnh A2 đồng thời Ú cũng nhắn tin hứa hẹn với bà T1 sẽ tác động, đôn đốc gia đình Quỳnh A2 trả lại đủ các khoản tiền mà bà T1, anh C cho Quỳnh A2 vay. Do tin tưởng các thông tin mà Ú, các nhân vật do Ú mạo danh đưa ra nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022, bà T1 và anh C đã chuyển tiền đến các tài khoản ngân hàng do Ú cung cấp, cụ thể:

Anh C thông qua các bạn của mình ở Việt Nam nhờ chuyển tổng số tiền 273.400.000 đồng đến các tài khoản ngân hàng do Ú cung cấp gồm: Chuyển đến tài khoản Ngân hàng V2 số 0386820335 mang tên Nguyễn Trung Ú 03 lần, tổng số tiền 195.400.000 đồng (Ú nói với bà T1 đã giao cho Quỳnh A2 sử dụng tài khoản này); chuyển đến tài khoản Ngân hàng V3 số 103002999135 mang tên DAU DUC HOAI 01 lần, số tiền 30.000.000 đồng (Ú nói với anh C anh H là con nuôi Ú và nói với anh H nhận tiền giúp do bạn Ú trả nợ); chuyển đến tài khoản Ngân hàng V3 số 105003481868 mang tên LA HOAI NAM 03 lần, tổng số tiền 48.000.000 đồng (Ú nói với anh C anh N2 là bạn và nói với anh N2 nhận tiền giúp do bạn Ú trả nợ).

Bà Nguyễn Thị T1 dùng tiền của mình và vay tiền của người thân, bạn bè chuyển tổng số tiền 1.648.000.000 đồng vào các tài khoản ngân hàng của Ú và tài khoản do Ú nhờ nhận tiền, trong đó: chuyển đến tài khoản Ngân hàng V3 số 103002999135 tên DAU DUC HOAI 02 lần, tổng số 35.000.000 đồng; chuyển đến tài khoản Ngân hàng B1 mang tên CAM BA THIEN 01 lần, số tiền 10.000.000 đồng (Ú nói với bà T1 anh T5 là con nuôi Ú và nói với anh T5 có bạn chuyển tiền trả nợ nhờ T5 nhận); chuyển đến tài khoản Ngân hàng V2 số 0386820335 mang tên Nguyễn Trung Ú 04 lần, tổng số tiền 1.603.700.000 đồng.

Tổng số tiền bà T1 và anh C đã chuyển đến tài khoản của Ú và các tài khoản do Ú cung cấp là 1.922.100.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được của anh C, bà T1, Ú đã sử dụng chi tiêu cá nhân, mua sắm tài sản, trả nợ và tặng cho một số người, cụ thể:

Từ ngày 08/3/2022 đến ngày 10/9/2022, Ú chuyển 41.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V3, số A, chủ tài khoản là Công ty A4 tiền mua xe mô tô; chuyển 58.310.000 đồng đến tài khoản ngân hàng M3, số I, chủ tài khoản là Công ty Cổ phần T17 và tài khoản ngân hàng OCB, số A, chủ tài khoản là Công ty Cổ phần T17 thanh toán tiền mua laptop, điện thoại di động và tai nghe; chuyển 81.610.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V3, số A, chủ tài khoản là Công ty Cổ phần Đ thanh

toán tiền mua vàng. Chuyển 6.352.000 đồng đến tài khoản ngân hàng T18, số A thanh toán tiền mua vé máy bay. Ngoài ra, Nguyễn Trung Ú chuyển tiền đến 43 tài khoản ngân hàng của các cá nhân, trong đó Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với 31 chủ tài khoản, còn 12 chủ tài khoản không có mặt tại địa phương, không liên lạc làm việc được, gồm: Úy chuyển khoản cho anh Cầm Bá T5 45.000.000 đồng cho anh T5 để chi tiêu; chuyển vào tài khoản của anh Đậu Đức H 13.000.000 đồng cho anh H chi tiêu; chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Khắc Q 49.600.000 đồng cho anh Q để chi tiêu; chuyển vào tài khoản của chị Cao Thị H4 200.000 đồng thanh toán tiền mua đồ ăn; chuyển vào tài khoản của anh Đặng Quang T8 20.000.000 đồng để trả nợ; chuyển vào tài khoản của chị Đậu Thị T9 53.000.000 đồng để trả nợ; chuyển vào tài khoản của anh Hồ Trọng V 20.000.000 đồng đổi lấy tiền mặt; chuyển vào tài khoản của anh Hồ Văn K 10.000.000 đồng đổi lấy tiền mặt; chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Ngọc H5 5.050.000 đồng đổi lấy tiền mặt; chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Thế G 5.000.000 đồng đổi lấy tiền mặt; chuyển vào tài khoản của anh Huỳnh Thanh Q2 26.700.000 đồng thanh toán tiền mua vàng; chuyển vào tài khoản của chị Ngô Thị Phương T10 450.000 đồng thanh toán tiền mua hàng; chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Quốc A3 1.790.000 đồng thanh toán tiền mua hàng; chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị M2 2.700.000 đồng thanh toán tiền mua rươi; chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị P 34.000.000 đồng thanh toán tiền mua hàng; chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Quỳnh N3 5.162.000 đồng thanh toán tiền mua hàng; chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Thanh T11 13.800.000 đồng mua vé máy bay; chuyển vào tài khoản chị Nguyễn Thị T12 50.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị H6 để mua đồ (H6 không có tài khoản nên nhờ tài khoản của chị T12); chuyển vào tài khoản chị Nguyễn Thị T13 646.000 đồng tiền mua hàng; chuyển vào tài khoản anh Nguyễn Văn B 5.700.000 đồng đổi lấy tiền mặt; chuyển vào tài khoản anh Nguyễn Văn P1 7.000.000 đồng nhờ mua đồ; chuyển vào tài khoản anh Nguyễn Văn S 475.100.000 đồng mua vàng; chuyển vào tài khoản anh Nguyễn Xuân D1 10.000.000 đồng đổi tiền mặt; chuyển vào tài khoản chị Phạm Thị T14 10.000.000 đồng để trả nợ; chuyển vào tài khoản anh Phan Quốc V1 10.600.000 đồng nhờ mua vé máy bay; chuyển vào tài khoản anh Phùng Minh T15 4.000.000 đồng thanh toán tiền nhà nghỉ; chuyển vào tài khoản anh Trần Tuấn N4 5.000.000 đồng cho anh N4 để chi tiêu; chuyển vào tài khoản anh Văn Đức C1 20.000.000 đồng Ú cho anh C1 để chi tiêu; chuyển vào tài khoản anh Vũ Văn T16 2.000.000 đồng trả tiền xe taxi.

Đối với số tiền 123.000.000 đồng Ú bảo bà T1, anh C chuyển đến các tài khoản của anh H, anh T5, anh N4 (bà T1 chuyển đến tài khoản Ngân hàng V3 số 103002999135 tên DAU DUC HOAI 02 lần, tổng số 35.000.000 đồng; chuyển đến tài khoản Ngân hàng B1 mang tên CAM BA THIEN 01 lần, số tiền 10.000.000 đồng. Anh C chuyển đến tài khoản Ngân hàng V3 số 103002999135 mang tên DAU DUC HOAI 01 lần, số tiền 30.000.000 đồng; chuyển đến tài khoản Ngân hàng V3 số 105003481868 mang tên LA HOAI NAM 03 lần, tổng số tiền 48.000.000 đồng). Anh H, anh T5, anh N4 đã chuyển đến các tài khoản khác để mua hàng, trả nợ, cho tặng...hoặc rút lấy tiền chi tiêu cá nhân hết.

Đối với những người nhận tiền do Ú cho, tặng (anh Cẩm Bá T5, anh Đậu Đức H, anh Nguyễn Khắc Q, anh Trần Tuấn N4, anh Văn Đức C1); sau khi được Cơ quan điều tra thông báo đó là tiền Ú chiếm đoạt của bà T1, anh C, ngày 06/3/2023 anh H đã trả lại bà T1 60.000.000 đồng; ngày 29/10/2022 anh Q trả lại bà T1 25.000.000 đồng; ngày 05/3/2023 anh C1 trả lại bà T1 55.000.000 đồng. Bà T1 đã nhận tiền, không có yêu cầu, đề nghị gì.

Ngày 10/9/2022, Nguyễn Trung Ú đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Số tiền Ú chiếm đoạt đã sử dụng, chi tiêu cá nhân, còn lại 115.000.000 đồng Ú đã trả lại cho bà T1.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS-P1 ngày 29/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Trung Ú tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo từ 14 năm đến 15 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/9/2022; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà T1 và anh cường 1.667.100.000 đồng; về vật chứng: Tịch thu cho phát mai sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động S1 A22 kèm theo sim bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại bị cáo hai điện thoại di động S1 A23 kèm theo sim điện thoại không dùng vào việc phạm tội nhưng giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương quản lý để đảm bảo thi hành án; về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng nêu và đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa đồng ý về tội danh, điều khoản pháp luật áp dụng đối với bị cáo Ú theo truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại T1 xác định bà T1 và anh C bị chiếm đoạt 1.922.100.000 đồng đã nhận được bồi thường và hoàn lại 255.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo bồi thường 1.667.100.000 đồng. Số tiền này, mẹ con bà T1 và anh C tự phân chia giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

Người làm chứng Nguyễn Ngọc T2 xác định đã nhiều lần chuyển tiền hộ bà T1 và anh C cho các tài khoản bà T1 và anh C đề nghị. Số tiền đó có phần anh T2 cho bà T1 vay nhưng gia đình tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2022, Nguyễn Trung Ú sử dụng điện thoại, lập và truy cập nhiều tài khoản Facebook với tên gọi khác nhau, trong đó có tài khoản “Trương Thị Quỳnh A2” và giới thiệu là con nuôi của Ú để nói chuyện với bà Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Quốc C. Quá trình giả mạo tài khoản mang tên Trương Thị Quỳnh A2, Ú đã trao đổi với bà T1, anh C về việc Quỳnh A2 cần tiền đóng học phí, bị ốm, nằm viện... làm bà T1 và anh C tin tưởng đã 56 lần chuyển tiền đến tài khoản của Ú, các tài khoản do Ú cung cấp và bị Ú chiếm đoạt tổng số tiền 1.922.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sự cả tin của bà T1, anh C đã đưa ra thông tin không đúng sự thật, giả làm nhiều người đứng tên các tài khoản facebook khác nhau làm cho bà T1 và anh C tin là có người tên Trương Thị Quỳnh A2 thật, đặt vấn đề yêu đương và chuyển tiền vào các tài khoản do Ú chỉ định để Ú chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 56 lần đưa ra thông tin gian dối để bà T1 và anh C chuyển tiền, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội; bị cáo đã bồi thường cho bà T1 và anh C 115.000.000 đồng; trước khi bị bắt, bị cáo đến cơ quan điều tra đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo lần đầu phạm tội, nhân thân tốt.

[5]. Hội đồng xét xử thấy cách thức bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là tinh vi, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Do bị cáo hiện không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của mẹ con bà T1, anh C là 1.922.100.000 đồng, bị cáo đã bồi thường cho bà T1, anh C 115.000.000 đồng, sau khi biết số tiền được tặng cho là tiền bị cáo Ú chiếm đoạt

mà có, anh Đậu Đức H đã hoàn trả bà T1, anh C 60.000.000 đồng, anh Nguyễn Khắc Q đã hoàn trả bà T1, anh C 25.000.000 đồng, anh Văn Đức C1 đã hoàn trả bà T1, anh C 55.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T1 và anh C đã nhận lại được là 255.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Do vậy, cần buộc bị cáo bồi thường cho bà T1 và anh C số tổng số tiền 1.667.100.000 đồng theo Điều 48 Bộ luật Hình sự. Số tiền được bồi thường, bà T1 và anh C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7]. Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động S1 A22 kèm theo hai sim điện thoại bị cáo Ú sử dụng để đăng nhập facebook thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ nhà nước. Đối với hai điện thoại di động S1 A23 kèm theo các sim thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra xác định bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo bị kết tội và phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung Ú phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Ú 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 10/9/2022.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Trung Ú bồi thường cho bà Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Quốc C 1.667.100.000 đồng. Bà T1 và anh C tự giải quyết phân chia số tiền được bồi thường. Trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về vật chứng: Tịch thu chiếc điện thoại di động S1 A22 kèm theo sim của bị cáo Nguyễn Trung Ú cho phát mại sung quỹ nhà nước. Trả lại bị cáo Nguyễn Trung Ú 02 điện thoại di động S1 A23 kèm theo sim (Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương)

7. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trung Ú phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 62.013.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ GDKT I- TANDTC;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu